



Sáng hơn, hiệu quả hơn. Giải pháp sáng hơn cho nơi làm việc an toàn hơn

GreenUp Line Highbay

GreenUp Line Highbay là giải pháp LED đơn giản, chiếu sáng hiệu quả cho các khu vực làm việc, giúp môi trường kho bãi, cửa hàng và nhà máy trở nên sáng sủa hơn. Với ba thiết kế quang học và hiệu quả năng lượng, giải pháp chiếu sáng dễ lắp đặt và có chi phí bảo trì thấp này phù hợp với nhiều ứng dụng khác nhau.

Lợi ích

- Mức tiết kiệm năng lượng cao lên tới 56% so với TL-5 Highbay
- Phù hợp với các ứng dụng khác nhau và đem đến trải nghiệm chiếu sáng dễ chịu
- Thay thế trực tiếp T5 Highbay

Tính năng

- Hiệu suất hệ thống 118 lumen trên watt
- Ba tùy chọn quang học với CRI80
- Thiết kế tuyến tính giúp lắp đặt dễ dàng

Ứng dụng

- Ứng dụng trong công nghiệp nói chung: Nhà kho, Trung tâm phân phối, Nhà máy
- Khu thể thao trong nhà
- Các ứng dụng trần cao trong nhà khác

Cảnh báo và An toàn

- Sản phẩm có IPX0 và vì vậy, không đảm bảo bảo vệ thiết bị khỏi sự xâm nhập của nước. Do đó, chúng tôi khuyến khích khách hàng kiểm tra tính thích hợp của môi trường lắp đặt bộ đèn
- Nếu không tuân thủ khuyến nghị trên và bộ đèn bị nước xâm nhập, Philips / Signify không thể đảm bảo sự an toàn khi xảy ra sự cố & quyền bảo hành sản phẩm sẽ bị vô hiệu

GreenUp Line Highbay

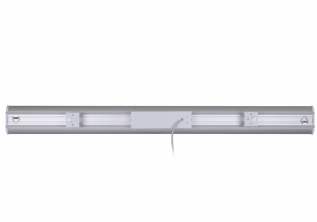
Phiên bản



Chi tiết sản phẩm



GreenUp Line Highbay BY450P
Lens-F 2



GreenUp Line Highbay BY450P
Back

-	
Tỷ lệ lỗi bộ điều khiển ở 5000 giờ	0,01 %
Điều kiện ứng dụng	
Nhiệt độ môi trường cho phép	-20 đến +45 °C
Độ mờ tối da	Không áp dụng
Phù hợp với bật/tắt ngẫu nhiên	Không
Phê duyệt và Ứng dụng	
Mã bảo vệ khỏi tác động cơ học	IK03
Mã bảo vệ chống xâm nhập	IP20
Điều khiển và thay đổi độ sáng	
Có thể điều chỉnh độ sáng	Không
Thông số vận hành và điện	
Điện áp đầu vào	220 đến 240 V
Thông tin chung	
Góc chiếu của nguồn sáng	- °
Dấu CE	Ký hiệu CE
Cấp bảo vệ IEC	Cấp an toàn I
Bao gồm bộ điều khiển	Có
Dấu ENEC	-
Ký hiệu tính dễ cháy	Để lắp trên các bề mặt thường bắt cháy
Thử nghiệm sợi dây nóng đỏ	Nhiệt độ 650 °C, thời gian 5 giây
Nguồn sáng có thể thay thế	Không
Số lượng bộ điều khiển	1 bộ
Hiệu năng ban đầu (tuân thủ IEC)	
Chỉ số hoàn màu ban đầu	>80
Dung sai quang thông	+/-10%
Cơ khí và bộ vỏ	
Màu	Nhôm và trắng
Vận hành ngoài giờ (tuân thủ IEC)	
Tuổi thọ hữu ích trung bình L80B50	40000 h
Tuổi thọ hữu ích trung bình L90B50	30000 h

Thông tin chung

Order Code	Full Product Name	Kiểu nắp quang học/thấu kính	Loại chóa quang học
911401530551	BY450P LED95/CW PSU HRO	Dây thấu kính dạng thanh trong nắp polycarbonate	Chóa quang học mảng cao
911401530651	BY450P LED95/CW PSU WB	Dây thấu kính dạng thanh trong nắp polycarbonate	Góc rộng
911401530751	BY450P LED95/NW PSU HRO	Dây thấu kính dạng thanh trong nắp polycarbonate	Chóa quang học mảng cao
911401530851	BY450P LED95/NW PSU WB	Dây thấu kính dạng thanh trong nắp polycarbonate	Góc rộng
911401530951	BY450P LED136/CW PSU HRO	Dây thấu kính dạng thanh trong nắp polycarbonate	Chóa quang học mảng cao
911401531051	BY450P LED136/CW PSU WB	Dây thấu kính dạng thanh trong nắp polycarbonate	Góc rộng
911401531251	BY450P LED136/NW PSU HRO	Dây thấu kính dạng thanh trong nắp polycarbonate	Chóa quang học mảng cao
911401531351	BY450P LED136/NW PSU WB	Dây thấu kính dạng thanh trong nắp polycarbonate	Góc rộng
911401531151	BY450P LED122/CW PSU FR EN	Trắng đục	Góc rộng
911401531451	BY450P LED122/NW PSU FR	Trắng đục	Góc rộng
	EN		

Hiệu năng ban đầu (tuân thủ IEC) (1/2)

Order Code	Full Product Name	Chất lượng màu sắc ban đầu	Nhiệt độ		
			màu tương quan ban đầu	Hiệu suất đèn LED ban đầu	Quang thông ban đầu
911401530551	BY450P LED95/CW PSU HRO EN	(0.313.0.324)SDCM<5	6500 K	119 lm/W	9500 lm

Order Code	Full Product Name	Chất lượng màu sắc ban đầu	Nhiệt độ		
			màu tương quan ban đầu	Hiệu suất đèn LED ban đầu	Quang thông ban đầu
911401530651	BY450P LED95/CW PSU WB EN	(0.313.0.324)SDCM<5	6500 K	119 lm/W	9500 lm

Order Code	Full Product Name	Chất lượng màu sắc ban đầu	Nhiệt độ		
			màu tương quan ban đầu	Hiệu suất đèn LED ban đầu	Quang thông ban đầu
911401530751	BY450P LED95/NW PSU HRO EN	(0.38.0.38)SDCM<5	4000 K	119 lm/W	9500 lm
911401530851	BY450P LED95/NW PSU WB EN	(0.38.0.38)SDCM<5	4000 K	119 lm/W	9500 lm
911401530951	BY450P LED136/CW PSU HRO EN	(0.313.0.324)SDCM<5	6500 K	118 lm/W	13600 lm
911401531051	BY450P LED136/CW PSU WB EN	(0.313.0.324)SDCM<5	6500 K	118 lm/W	13600 lm

Order Code	Full Product Name	Chất lượng màu sắc ban đầu	Nhiệt độ		
			màu tương quan ban đầu	Hiệu suất đèn LED ban đầu	Quang thông ban đầu
911401531251	BY450P LED136/NW PSU HRO EN	(0.38.0.38)SDCM<5	4000 K	118 lm/W	13600 lm
911401531351	BY450P LED136/NW PSU WB EN	(0.38.0.38)SDCM<5	4000 K	118 lm/W	13600 lm
911401531151	BY450P LED122/CW PSU FR EN	(0.313.0.324)SDCM<5	6500 K	106 lm/W	12200 lm
911401531451	BY450P LED122/NW PSU FR EN	(0.38.0.38)SDCM<5	4000 K	106 lm/W	12200 lm

Hiệu năng ban đầu (tuân thủ IEC) (2/2)

Order Code	Full Product Name	Công suất đầu vào ban đầu
911401530551	BY450P LED95/CW PSU HRO EN	80 W
911401530651	BY450P LED95/CW PSU WB EN	80 W
911401530751	BY450P LED95/NW PSU HRO EN	80 W
911401530851	BY450P LED95/NW PSU WB EN	80 W
911401530951	BY450P LED136/CW PSU HRO EN	115 W

Order Code	Full Product Name	Công suất đầu vào ban đầu
911401531051	BY450P LED136/CW PSU WB EN	115 W
911401531251	BY450P LED136/NW PSU HRO EN	115 W
911401531351	BY450P LED136/NW PSU WB EN	115 W
911401531151	BY450P LED122/CW PSU FR EN	115 W
911401531451	BY450P LED122/NW PSU FR EN	115 W

